

Ngày 19/9/2019

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Phương; Ông Trần Trọng Tú

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia;

+ Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1959;

+ Bí đơn: **Bà Võ Thi Tuyết L**, sinh năm 1961;

Cùng ĐKKH và ở: Tổ 21, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên;

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Xuân T là nguyên đơn trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L kết hôn năm 1992, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 1-2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi chửi, xúc phạm và xô sát lẫn nhau, các tổ chức đoàn thể tại địa phương đã hòa giải và 02 lần Công an phường Phú Xá phải giải quyết.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng hơn do Ông T và người phụ nữ khác có tin nhắn thể hiện tình cảm, dẫn đến bà L nghi ngờ Ông T có quan hệ ngoại tình. Do mâu thuẫn quá căng thẳng từ đầu năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân (Ông T ở nhà trọ và nơi làm việc). Nay Ông T xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn bà L.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 16/12/1992 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/4/1996. Cả 02 con đều đã học song chuyên nghiệp và tự lo được cuộc sống, do đó Ông T không có yêu cầu gì;

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong văn bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Võ Thị Tuyết L là bị đơn trình bày: Về thời điểm kết hôn, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng, con chung như Ông T đã khai nêu trên là đúng thực tế.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ khi bà L sinh con đầu lòng Ông T đã đánh đập bà L để lại nhiều thương tích trên cơ thể. Nguyên nhân là do Ông T nóng nảy và không làm tròn bổn phận của người chồng, người cha. Tuy nhiên, lý do Ông T xin ly hôn là do đầu năm 2019 Ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ có tên là Hà, bà L đã đọc được thông tin giữa 02 người bằng tin nhắn trong điện thoại của Ông T. Từ đầu năm 2019 Ông T cũng không về nhà ở và không quan tâm gì đến vợ con.

Bà L không đồng ý ly hôn Ông T vì không muốn các con bị ảnh hưởng tâm lý do bố mẹ ly hôn.

-Về con chung: Cả 02 người con chung đã trưởng thành, nếu phải ly hôn bà L không có yêu cầu gì.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã kiên trì phân tích, hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, do đó vụ án phải đưa ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của Ông T là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: - Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L kết hôn năm 1992, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp;

Căn cứ sự thừa nhận của các đương sự như đã nêu trên, xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm, từ đầu năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và nhiều lần các đương sự xảy ra xô sát, Chính quyền địa phương và Cơ quan công an phải can thiệp. Nguyên nhân

là do vợ chồng thiếu sự thông cảm, quan tâm, chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và do Ông T cư xử không đúng mực, nhiều lần đánh đập bà L...

Xét thấy việc duy trì quan hệ hôn nhân giữa các đương sự không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông T, để giải phóng cho cả đôi bên, tạo điều kiện cho các đương sự ổn định cuộc sống. Như vậy là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Ông T và bà L xác định vợ chồng có 02 con chung như nêu trên, hiện đều đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống, do đó các đương sự không có yêu cầu gì.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 146; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các quy định tại: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Xuân Thuận cho Ông T được ly hôn bà Võ Thị Tuyết L.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết (vì các đương sự không yêu cầu).

4. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí sang -theo Biên lai thu số 0002000 ngày 24/7/2019 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- UBND p.Gia Sàng,
TPThái Nguyên;
- Đương sự
- Lưu HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thúy Kiên